

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST

Ngày 23 - 7 - 2019

V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung
và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Kiên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Khương;

Bà Nguyễn Thị Phin.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Long Bảo - Thư ký Toà án nhân dân quận Hồng Bàng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2019/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 02 năm 2019, về tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị VTTC, sinh năm 1988; địa chỉ: Số nhà A, Quốc lộ B, phường C, quận D, Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh HNT, sinh năm 1984; địa chỉ: Số nhà A, Quốc lộ B, phường C, quận D, Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn (chị VTTC) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi (VTTC) và anh HNT xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường E, quận D, thành phố Hải Phòng, vào ngày 02/5/2007. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau về tính cách, bất đồng về quan điểm sống. Hai bên đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 12/2017 cho đến nay, không còn quan hệ tình cảm gì với nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn và không thể chung sống đoàn tụ được nữa nên tôi (VTTC) yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh HNT.

Về con chung: Chúng tôi có hai con chung tên là F, sinh ngày 19/7/2008 và G, sinh ngày 09/9/2010. Ly hôn, tôi (VTTC) đề nghị Tòa án giải quyết để tôi được nuôi con là G và để cho anh HNT được nuôi con là F. Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì tôi và anh HNT sẽ tự thỏa thuận và tự giao cho nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tôi và anh HNT tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn (anh HNT): Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp Thông báo về việc thụ lý vụ án số: 73/TB-TLVA, ngày 27/02/2019 để bị đơn thực hiện việc trình bày bản tự khai đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng bị đơn không gửi bản tự khai đến Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần tiến hành triệu tập (ngày 02/4/2019 và 08/4/2019), hai lần thông báo phiên hòa giải (ngày 18/4/2019 và 25/4/2019) và tổng đạt hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn không có mặt tại các phiên hòa giải.

Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn (anh HNT) vẫn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án của Tòa án, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ của Tòa án đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết và tại phiên tòa của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Sự tuân thủ chấp hành pháp luật của nguyên đơn đảm bảo đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Về quan hệ vợ chồng: Chị VTTC được ly hôn với anh HNT.

- Về con chung: Giao cho chị VTTC được nuôi con là G, sinh ngày 09/9/2010 và giao cho anh HNT được nuôi con là F, sinh ngày 19/7/2008. Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng do hai bên tự thỏa thuận và tự giao cho nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Hai bên tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị VTTC phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và triệu tập họp lệ đối với bị đơn (anh HNT) nhưng bị đơn vẫn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị VTTC và anh HNT kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, quận D, thành phố Hải Phòng (Giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 01, ngày 02/5/2007).

[2.1] Theo nguyên đơn (chị VTTC) trình bày: Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên không hợp nhau về tính cách và bất đồng trong quan điểm sống. Hai bên đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 12/2017 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau và không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Xét thấy vợ chồng thực sự không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị VTTC yêu cầu giải quyết ly hôn với anh HNT.

[2.2] Đối với bị đơn (anh HNT): Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp Thông báo về việc thụ lý vụ án để bị đơn thực hiện việc trình bày bản tự khai nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng bị đơn không gửi bản tự khai đến Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần tiến hành triệu tập (ngày 02/4/2019 và 08/4/2019), hai lần thông báo phiên hòa giải (ngày 18/4/2019 và 25/4/2019) và tổng đạt họp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại các phiên hòa giải. Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa và đã tiến hành tổng đạt, triệu tập họp lệ đối với bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do. Điều này thể hiện việc bị đơn (anh HNT) có thái độ không thiện chí muốn cải thiện quan hệ vợ chồng và cũng chứng tỏ quan hệ vợ chồng giữa chị VTTC và anh HNT đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau và không còn tình cảm đối với nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Thực tế là hai bên đã tự sống ly thân chấm dứt quan hệ, trách nhiệm và nghĩa vụ với nhau từ tháng 12/2017 cho đến nay. Do vậy việc nguyên đơn (chị VTTC) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh HNT là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị VTTC; xử chị VTTC được ly hôn với anh HNT.

[3] Về con chung: Chị VTTC và anh HNT có hai con chung là: F, sinh ngày 19/7/2008 và G, sinh ngày 09/9/2010. Ly hôn, chị VTTC yêu cầu được trực tiếp nuôi một con là G và đồng ý để anh HNT được trực tiếp nuôi một con là F. Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng sau khi ly hôn do hai bên tự thỏa thuận và tự giao cho nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.1] Hội đồng xét xử xét thấy: Anh HNT không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Tại đơn đề nghị gửi Tòa án cháu F có nguyện vọng muốn được sinh sống cùng bố và cháu G có nguyện vọng muốn được sinh sống cùng mẹ. Việc giao cháu G cho chị VTTC

trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu F cho anh HNT trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con chung và đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con chung. Bởi vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung là G cho chị VTTC trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao con chung là F cho anh HNT trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị VTTC và anh HNT tự thỏa thuận và tự giao cho nhau, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3.2] Trường hợp sau khi ly hôn, điều kiện sống của chị VTTC và anh HNT có sự thay đổi và một trong các bên đương sự đề nghị Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con thì có thể xem xét để giải quyết theo quy định của pháp luật bằng một vụ việc khác.

[4] Về tài sản chung: Chị VTTC và anh HNT đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị VTTC phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị VTTC được ly hôn với anh HNT.

- Về con chung: Giao con là G, sinh ngày 09/9/2010 cho chị VTTC trực tiếp nuôi dưỡng và giao con là F, sinh ngày 19/7/2008 cho anh HNT trực tiếp nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi con cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn do chị VTTC và anh HNT không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị VTTC phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp khi khởi kiện tại biên lai ký hiệu AA/2014, số 0008115,

ngày 27/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; chị VTTC đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND phường E, D;
- Các đương sự;
- Lưu: HS; VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Kiên